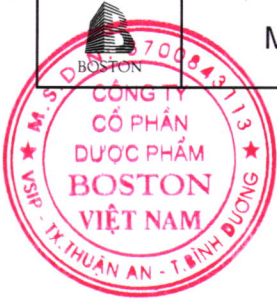


Mẫu hộp: **CLORPHEBOSTON - hộp 3 vỉ x 10 viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018.



Đặng Minh Đức

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 05/07/18



Cơ sở sản xuất / Manufacturer
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hoa Ward, Thuận An Town, Bình Dương Province

CLORPHEBOSTON®

Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets



Thuốc uống
Oral route

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim
Box of 3 blisters x 10 film - coated tablets

Mỗi viên nén bao phim chứa: Each film - coated tablet contains:
Clorpheniramin maleat 4 mg Chlorpheniramine maleate 4 mg
Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim Excipients q.s. for1 film - coated tablet

Tiêu chuẩn/Specification: TCCS/In-house
SDK/Reg.No.:

CLORPHEBOSTON®

Clorpheniramin maleat 4 mg
Viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert.

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Store in a dry place, below 30°C, protect from light

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

Số lô SX / Batch No.:
NSX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date:

▲ Qui cách: 105 x 45 x 25 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

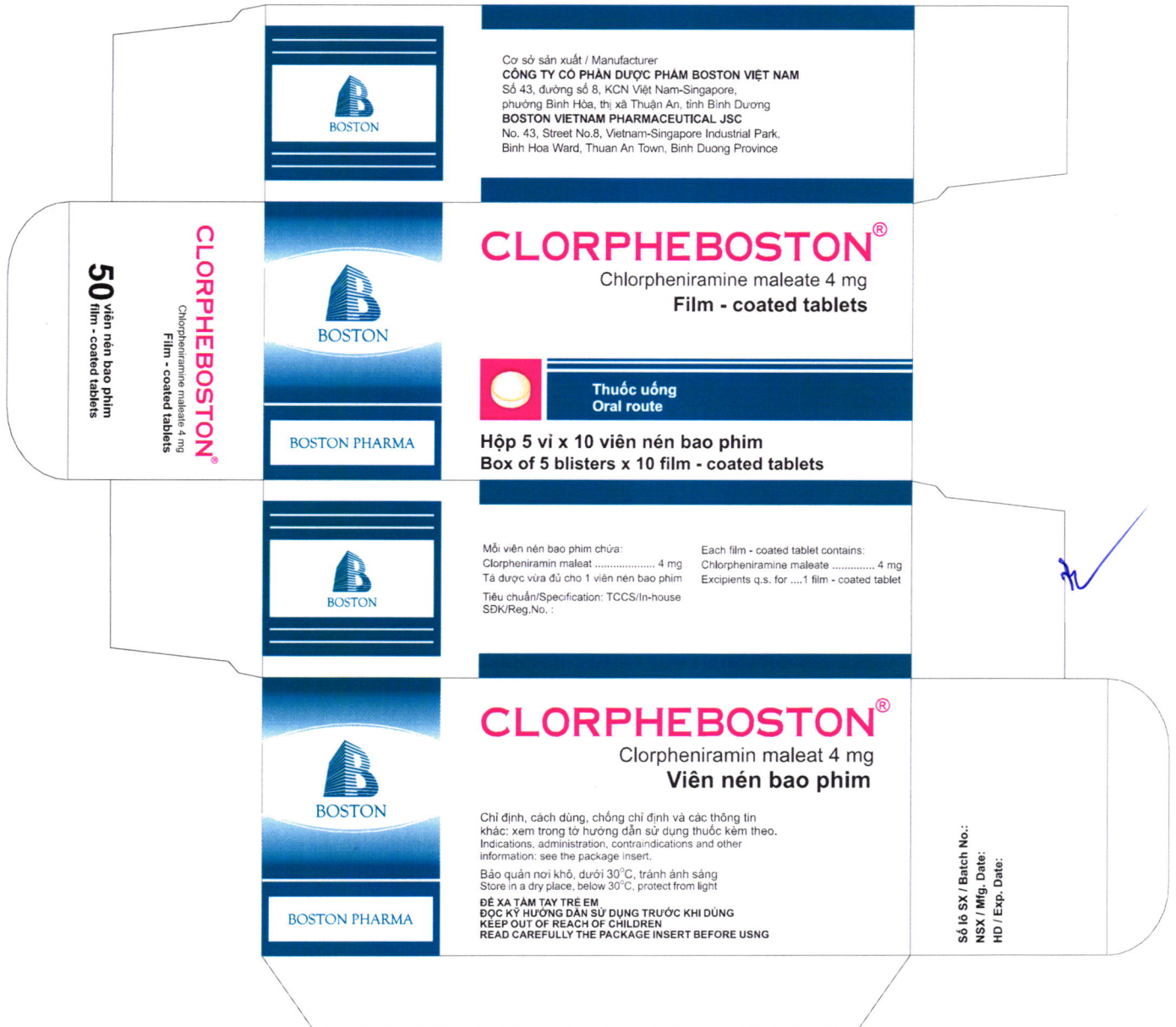


Mẫu hộp: **CLORPHEBOSTON - hộp 5 vỉ x 10 viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018.




Đặng Minh Đức




▲ Qui cách: 105 x 45 x 32 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

	Mẫu hộp: CLORPHEBOSTON - hộp 10 vỉ x 10 viên	Ngày <u>01</u> tháng <u>03</u> năm 201 <u>8</u> .
---	---	---

100 viên nén bao phim
film - coated tablets

CLORPHEBOSTON
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets



CLORPHEBOSTON[®]
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets


Cơ sở sản xuất / Manufacturer
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province

D. N. : 3700843713
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
BOSTON
VIỆT NAM**

Đặng Minh Đức

100 viên nén bao phim
film - coated tablets

CLORPHEBOSTON
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets



CLORPHEBOSTON[®]
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets

Thuốc uống
Oral route


Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim
Box of 10 blisters x 10 film - coated tablets

D. N. : 3700843713
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
BOSTON
VIỆT NAM**

Đặng Minh Đức

100 viên nén bao phim
film - coated tablets

CLORPHEBOSTON
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets



CLORPHEBOSTON[®]
Clorpheniramin maleat 4 mg
Viên nén bao phim

Mỗi viên nén bao phim chứa: Each film - coated tablet contains:
Clorpheniramin maleat 4 mg Chlorpheniramine maleate 4 mg
Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim Excipients q.s. for 1 film - coated tablet


Tiêu chuẩn/Specification: TCCS/In-house
SDK/Reg.No. :

Số lô SX / Batch No.:
NSX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date.

Đặng Minh Đức

100 viên nén bao phim
film - coated tablets

CLORPHEBOSTON
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Film - coated tablets



CLORPHEBOSTON[®]
Clorpheniramin maleat 4 mg
Viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert.
Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Store in a dry place, below 30°C, protect from light
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

Số lô SX / Batch No.:
NSX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date.

Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 105 x 55 x 45 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mẫu vỉ: **CLORPHEBOSTON**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018.

M.S.D.N: 370084313
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
BOSTON
VIỆT NAM
VSP - TX. THUAN AN - TỈNH DUONG
Đặng Minh Đức



✓

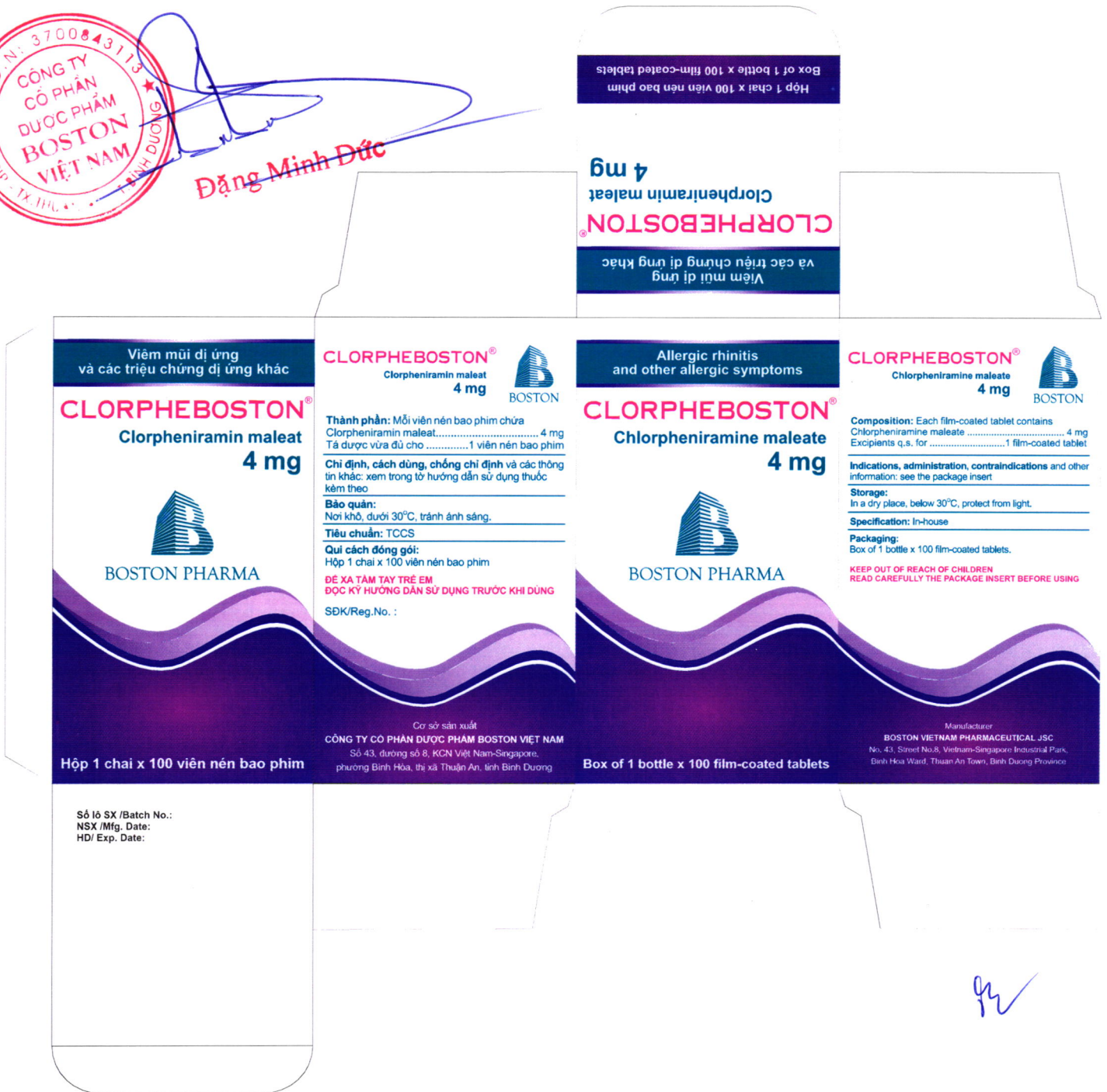
▲ Qui cách: 100 x 40 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

	Mẫu hộp: CLORPHEBOSTON - Hộp 1 chai x 100 viên	Ngày <u>01</u> tháng <u>03</u> năm <u>2018</u>
---	---	--



Đặng Minh Đức



▲ Qui cách: 98 x 55 x 55 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mẫu nhãn chai: **CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 100 viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018



Đặng Minh Đức

<p>Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa Clorpheniramin maleat..... 4 mg Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim</p> <p>Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo</p> <p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.</p> <p>Tiêu chuẩn: TCCS</p> <p>Qui cách đóng gói: Hộp 1 chai x 100 viên nén bao phim</p> <p>ĐỂ XA TÀM TAY TRÉ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>Số lô SX /Batch No.: NSX /Mfg. Date: HD/ Exp. Date:</p> <p>Cơ sở sản xuất CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương</p>	<p>Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác</p> <p>CLORPHEBOSTON® Clorpheniramin maleat 4 mg</p> <p>Hộp 1 chai x 100 viên nén bao phim</p>	<p>Composition: Each film-coated tablet contains Chlorpheniramine maleate 4 mg Excipients q.s. for 1 film-coated tablet</p> <p>Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert</p> <p>Storage: In a dry place, below 30°C, protect from light.</p> <p>Specification: In-house</p> <p>Packaging: Box of 1 bottle x 100 film-coated tablets</p> <p>KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING</p> <p> BOSTON PHARMA</p> <p>Manufacturer BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park, Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province</p>
---	--	--

h

▲ Qui cách: 132 x 53 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

	Mẫu hộp: CLORPHEBOSTON - Hộp 1 chai x 200 viên	Ngày <u>01</u> tháng <u>03</u> năm <u>2018</u>
---	---	--

Hộp 1 chai x 200 viên nén bao phim / Box of 1 bottle x 200 film-coated tablets

Viêm mũi dị ứng
và các triệu chứng dị ứng khác

CLORPHEBOSTON®

Clorpheniramin maleat
4 mg



BOSTON PHARMA

CLORPHEBOSTON®

Clorpheniramin maleat
4 mg



BOSTON

Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa
Clorpheniramin maleat..... 4 mg
Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Bảo quản:
Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Qui cách đóng gói:
Hộp 1 chai x 200 viên nén bao phim

ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

SĐK/Reg.No. :

Allergic rhinitis
and other allergic symptoms

CLORPHEBOSTON®

Chlorpheniramine maleate
4 mg



BOSTON PHARMA

CLORPHEBOSTON®

Chlorpheniramine maleate
4 mg



BOSTON

Composition: Each film-coated tablet contains
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Excipients q.s, for 1 film-coated tablet

Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert

Storage:
In a dry place, below 30°C, protect from light.

Specification: In-house

Packaging:
Box of 1 bottle x 200 film-coated tablets.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM

Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Hộp 1 chai x 200 viên nén bao phim

Manufacturer

BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC

No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hòa Ward, Thuận An Town, Bình Dương Province

Box of 1 bottle x 200 film-coated tablets

Số lô SX /Batch No.:
NSX /Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 98 x 55 x 55 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mẫu nhãn chai: **CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 200 viên**

Ngày 01. tháng 03 năm 2018



Đặng Minh Đức

<p>Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa Chlorpheniramin maleat..... 4 mg Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim</p>	<p>Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác</p>	<p>Composition: Each film-coated tablet contains Chlorpheniramine maleate 4 mg Excipients q.s. for 1 film-coated tablet</p>
<p>Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo</p>	<p>CLORPHEBOSTON® Chlorpheniramin maleat 4 mg</p>	<p>Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert</p>
<p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.</p>	 <p>Hộp 1 chai x 200 viên nén bao phim</p>	<p>Storage: In a dry place, below 30°C, protect from light.</p>
<p>Tiêu chuẩn: TCCS</p>	<p>Specification: In-house</p>	<p>Packaging: Box of 1 bottle x 200 film-coated tablets</p>
<p>Qui cách đóng gói: Hộp 1 chai x 200 viên nén bao phim</p>	<p>KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING</p>	
<p>ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG</p>	<p>Manufacturer BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC</p>	<p>No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park, Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province</p>
<p>Số lô SX /Batch No.: NSX /Mfg. Date: HD/ Exp. Date:</p>	<p>Cơ sở sản xuất CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương</p>	

Handwritten mark

▲ Qui cách: 132 x 53 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

	Mẫu hộp: CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 500 viên	Ngày <u>01</u> tháng <u>03</u> năm <u>2018</u>
---	---	--

Hộp 1 chai x 500 viên nén bao phim
 Box of 1 bottle x 500 film-coated tablets

CLORPHEBOSTON®
Clorpheniramin maleat
4 mg



BOSTON PHARMA

CLORPHEBOSTON®
Clorpheniramin maleat
4 mg

Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa
Clorpheniramin maleat..... 4 mg
Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Bảo quản:
Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Qui cách đóng gói:
Hộp 1 chai x 500 viên nén bao phim

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

SDK/Reg.No. :

CLORPHEBOSTON®
Chlorpheniramine maleate
4 mg



BOSTON PHARMA

Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác

Allergic rhinitis and other allergic symptoms

CLORPHEBOSTON®
Chlorpheniramine maleate
4 mg

Composition: Each film-coated tablet contains Chlorpheniramine maleate 4 mg
Excipients q.s. for 1 film-coated tablet

Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert

Storage:
In a dry place, below 30°C, protect from light.

Specification: In-house

Packaging:
Box of 1 bottle x 500 film-coated tablets.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING**

Hộp 1 chai x 500 viên nén bao phim

Cơ sở sản xuất
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Box of 1 bottle x 500 film-coated tablets

Manufacturer
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hòa Ward, Thuận An Town, Bình Dương Province

Số lô SX /Batch No.:
NSX /Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 98 x 55 x 55 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mẫu nhãn chai: **CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 500 viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018



Đặng Minh Đức

<p>Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa Clorpheniramin maleat..... 4 mg Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim</p> <p>Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo</p> <p>Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.</p> <p>Tiêu chuẩn: TCCS</p> <p>Qui cách đóng gói: Hộp 1 chai x 500 viên nén bao phim</p> <p>ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>Số lô SX /Batch No.: NSX /Mfg. Date: HD/ Exp. Date:</p> <p>Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương</p>	<p>Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác</p> <p>CLORPHEBOSTON® Clorpheniramin maleat 4 mg</p>  <p>Hộp 1 chai x 500 viên nén bao phim</p>	<p>Composition: Each film-coated tablet contains Chlorpheniramine maleate 4 mg Excipients q.s. for 1 film-coated tablet</p> <p>Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert</p> <p>Storage: In a dry place, below 30°C, protect from light.</p> <p>Specification: In-house</p> <p>Packaging: Box of 1 bottle x 500 film-coated tablets</p> <p>KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING</p>  <p>Manufacturer BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park, Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province</p>
--	---	--

Handwritten mark

▲ Qui cách: 132 x 53 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Đặng Minh Đức

Mẫu hộp: CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 1000 viên
Ngày: 01 tháng 03 năm 2018

Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác

CLORPHEBOSTON®
Clorpheniramin maleat
4 mg

Viêm mũi dị ứng và các triệu chứng dị ứng khác

CLORPHEBOSTON®
Clorpheniramin maleat
4 mg

Allergic rhinitis and other allergic symptoms

CLORPHEBOSTON®
Chlorpheniramine maleate
4 mg

Hộp 1 chai x 1000 viên nén bao phim
Box of 1 bottle x 1000 film-coated tablets

Hộp 1 chai x 1000 viên nén bao phim
Box of 1 bottle x 1000 film-coated tablets

Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa Clorpheniramin maleat 4 mg và được vữa đủ cho 1 viên nén bao phim.

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Qui cách đóng gói: Hộp 1 chai x 1000 viên nén bao phim

ĐỀ XÁ TẠM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

SDK/Reg.No.:

CLORPHEBOSTON®
Chlorpheniramin maleat
4 mg

CLORPHEBOSTON®
Chlorpheniramine maleate
4 mg

Composition: Each film-coated tablet contains 4 mg of Chlorpheniramine maleate. Excipients q.s. for 1 film-coated tablet. Indications, contraindications, contraindications and other information see the package insert.

Storage: In a dry place, below 30°C, protect from light.

Specifications: In-house

Packaging: Box of 1 bottle x 1000 film-coated tablets.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

Manufactured by:
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.3, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hòa West - Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Province

Manufactured by:
BOSTON PHARMA

Manufactured by:
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.3, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hòa West - Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Province

Số lô SX /Batch No.:
NSX /Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

▲ Qui cách: 130 x 75 x 75 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. OA (mời dùng)
----------	-------------------	------------------



Mẫu nhãn chai: **CLORPHEBOSTON - hộp 1 chai x 1000 viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2018



Đặng Minh Đức

Thành phần: Mỗi viên nén bao phim chứa
Clorpheniramin maleat..... 4 mg
Tá dược vừa đủ cho 1 viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Bảo quản:
Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Qui cách đóng gói:
Hộp 1 chai x 1000 viên nén bao phim

**ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Số lô SX /Batch No.:
NSX /Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

Cơ sở sản xuất
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Viêm mũi dị ứng
và các triệu chứng dị ứng khác**

CLORPHEBOSTON®
Clorpheniramin maleat
4 mg

Hộp 1 chai x 1000 viên nén bao phim

Composition: Each film-coated tablet contains
Chlorpheniramine maleate 4 mg
Excipients q.s. for1 film-coated tablet

Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert

Storage:
In a dry place, below 30°C, protect from light.

Specification: In-house

Packaging:
Box of 1 bottle x 1000 film-coated tablets

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING**



BOSTON PHARMA

Manufacturer
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Bình Hòa Ward, Thuận An Town, Bình Dương Province

▲ Qui cách: 185 x 75 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CLORPHEBOSTON



Đề xa tâm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén bao phim có chứa:

Thành phần dược chất:

Clorpheniramin maleat..... 4,00 mg

Thành phần tá dược: Lactose monohydrat, tinh bột mì, màu vàng quinolin, povidon, natri starch glycolat, silicon dioxid, magnesi stearat, hypromellose, polyethylen glycol.

DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén bao phim

Mô tả viên: Viên nén tròn màu vàng, bao phim, hai mặt phẳng, một mặt có khắc chữ “B”, một mặt khắc vạch ngang có thể bẻ đôi được.

CHỈ ĐỊNH

CLORPHEBOSTON được chỉ định để điều trị triệu chứng dị ứng đáp ứng với thuốc kháng histamin, bao gồm dị ứng phấn hoa, viêm mũi vận mạch, mày đay, phù mạch máu – thần kinh, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết thanh, côn trùng cắn.

Thuốc cũng được chỉ định để làm giảm triệu chứng ngứa liên quan tới bệnh thủy đậu.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Cách dùng

CLORPHEBOSTON dùng đường uống.

Liều dùng

- Người lớn và trẻ em lớn hơn 12 tuổi: 4 mg, 4 – 6 giờ một lần. Tối đa 24 mg/ngày.
- Người cao tuổi: thường tăng nhạy cảm với tác dụng kháng cholinergic thần kinh. Cần xem xét liều thấp hơn mỗi ngày (tối đa 12 mg/ngày).
- Trẻ em từ 6 – 12 tuổi: 2 mg/lần mỗi 4 – 6 giờ. Tối đa 12 mg/ngày.
- Trẻ em dưới 6 tuổi: thuốc không khuyến cáo dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với clorpheniramin, các thuốc kháng histamin hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Người bệnh dùng thuốc ức chế monoamin oxidase (IMAO) trong vòng 14 ngày, tính đến thời điểm điều trị bằng clorpheniramin.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Thận trọng ở người bị bệnh động kinh; người bị tăng áp lực nội nhãn (gồm bệnh glôcôm); phì đại tuyến tiền liệt; tăng huyết áp nặng hoặc bệnh tim mạch; viêm phế quản, giãn phế quản hoặc hen suyễn; suy gan; suy thận. Trẻ em và người cao tuổi có nhiều khả năng gặp phải các tác động thần kinh do kháng cholinergic và kích thích nghịch thường (ví dụ: tăng năng lượng, bồn chồn, lo lắng).

- Thuốc có thể gây ngủ gà, chóng mặt, hoa mắt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động trong một số người bệnh và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc.
- Tác dụng an thần của clorpheniramin tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.
- Không nên dùng clorpheniramin với các thuốc kháng histamin khác, bao gồm các thuốc cảm và ho có chứa kháng histamin.

Thận trọng với tá dược

- Lactose: Sản phẩm có chứa lactose không nên sử dụng cho bệnh nhân có vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoặc kém hấp thu glucose/galactose.
- Tinh bột mì: Mỗi viên nén bao phim CLORPHEBOSTON có chứa khoảng 4,02 µg gluten, không nên sử dụng cho bệnh nhân dị ứng với tinh bột mì (khác với bệnh celiac).

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Chưa có nghiên cứu đầy đủ về việc sử dụng clorpheniramin maleat cho phụ nữ có thai và chưa rõ các nguy cơ tiềm ẩn. Sử dụng clorpheniramin trong 3 tháng cuối thai kỳ có thể gây nên các phản ứng trên trẻ sơ sinh hoặc sinh non. Không nên dùng trong thời kỳ mang thai nếu không có chỉ định của bác sĩ.
- Clorpheniramin maleat và các thuốc kháng histamin có thể ức chế tiết sữa và có thể bài tiết qua sữa mẹ. Không nên dùng cho phụ nữ cho con bú nếu không có chỉ định của bác sĩ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

- Cần thận trọng khi dùng cho người lái xe hoặc điều khiển máy móc, vì thuốc có thể gây buồn ngủ, chóng mặt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

- Dùng đồng thời clorpheniramin với thuốc an thần gây ngủ có thể tăng tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương của clorpheniramin.
- Clorpheniramin ức chế chuyển hóa phenytoin có thể dẫn tới ngộ độc phenytoin.
- Các thuốc ức chế monoamin oxydase (IMAO) làm kéo dài và tăng tác dụng kháng cholinergic của clorpheniramin.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tác dụng không mong muốn được phân loại theo tần suất như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$), ít gặp ($\geq 1/1000$ đến $< 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$), rất hiếm gặp ($< 1/10.000$), chưa rõ (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Cơ quan/mức độ	Tác dụng phụ
Rối loạn tạo máu	
Chưa rõ	Thiếu máu, rối loạn tạo máu.

✓

Rối loạn hệ thống miễn dịch	
Chưa rõ	Phản ứng dị ứng, phù mạch, phản ứng phản vệ.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	
Chưa rõ	Chán ăn.
Rối loạn thần kinh	
Chưa rõ	Nhảm lẫn (*), kích thích (*), khó chịu (*), ác mộng (*), trầm cảm.
Rối loạn hệ thần kinh (*)	
Rất phổ biến	An thần, buồn ngủ.
Thường gặp	Rối loạn sự chú ý, khó phối hợp, đau đầu, chóng mặt.
Rối loạn thị giác	
Thường gặp	Nhìn mờ.
Rối loạn thính giác	
Chưa rõ	Ù tai.
Rối loạn tim mạch	
Chưa rõ	Hồi hộp, tim đập nhanh, rối loạn nhịp tim.
Rối loạn mạch máu	
Chưa rõ	Hạ huyết áp.
Rối loạn hô hấp	
Chưa rõ	Tăng tiết dịch phế quản.
Rối loạn đường tiêu hóa	
Thường gặp	Buồn nôn, khô miệng.
Chưa rõ	Nôn, đau bụng, tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa.
Rối loạn gan mật	
Chưa rõ	Viêm gan, vàng da.
Rối loạn da và mô dưới da	
Chưa rõ	Viêm da tróc vảy, nổi mẩn, mày đay, nhạy cảm với ánh sáng.
Rối loạn cơ xương và các mô liên kết	
Chưa rõ	Co giật cơ, yếu cơ.



Rối loạn thận, tiết niệu	
Chưa rõ	Bí tiểu
Các rối loạn khác	
Thường gặp	Mệt mỏi.

(*): Trẻ em và người cao tuổi có nhiều khả năng gặp phải các tác động thần kinh do kháng cholinergic và kích thích nghịch thường (ví dụ: tăng năng lượng, bồn chồn, lo lắng).

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng

- Liều gây chết của clorpheniramin khoảng 25 – 50 mg/kg thể trọng.
- Những triệu chứng và dấu hiệu quá liều bao gồm an thần, kích thích nghịch thường hệ thần kinh trung ương, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp.

Cách xử trí

- Điều trị triệu chứng và hỗ trợ chức năng, cần chú ý đặc biệt đến chức năng gan, thận, hô hấp, tim và cân bằng nước và điện giải.
- Rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipecacuanha. Sau đó, dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu.
- Khi gặp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Có thể điều trị co giật bằng tiêm tĩnh mạch diazepam. Có thể truyền máu trong những ca nặng.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Thuốc kháng histamin tại thụ thể H₁.

Mã ATC: R06AB02

Cơ chế tác dụng:

- Clorpheniramin là một thuốc đối kháng histamin tại thụ thể H₁.
- Các kháng histamin làm giảm hoặc loại bỏ tác động của histamin trong cơ thể bằng cách phong bế cạnh tranh thuận nghịch các thụ thể H₁ của histamin ở mô. Clorpheniramin cũng có hoạt tính kháng cholinergic.
- Thuốc kháng histamin ngăn chặn sự giải phóng histamin, prostaglandin và leukotrien và ngăn chặn sự di chuyển của chất trung gian gây viêm. Những tác động của clorpheniramin bao gồm ức chế histamin trên cơ trơn, tính thấm mao mạch, do đó, làm giảm hiện tượng phù nề và nổi mề đay trong các phản ứng quá mẫn như dị ứng và sốc phản vệ.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu và phân bố

Clorpheniramin hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa, sau khi uống; xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong 1 – 2 giờ và kéo dài 4 – 6 giờ. Thời gian bán thải của clorpheniramin là 12 – 15 giờ.

Chuyển hóa và thải trừ

Clorpheniramin liên kết với protein huyết tương, được bài tiết qua nước tiểu. Các chất chuyển hóa gồm có monodesmethylclorpheniramin, didesmethylclorpheniramin. Khoảng 22% liều

uống được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không thay đổi. Chỉ một lượng nhỏ được tìm thấy qua phân.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Đóng chai:

Hộp 1 chai × 100 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 200 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 500 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 1000 viên nén bao phim.

Ép vỉ:

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 03 vỉ × 10 viên nén bao phim.

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 05 vỉ × 10 viên nén bao phim.

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 10 vỉ × 10 viên nén bao phim.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM.

Địa chỉ: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 769 606

Fax: 02743 769 601

Email: boston@bostonpharma.com.vn.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Bình Dương, ngày.....tháng.....năm 2018

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. ĐẶNG MINH ĐỨC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CLORPHEBOSTON

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén bao phim có chứa:

Thành phần dược chất:

Clorpheniramin maleat.....4,00 mg

Thành phần tá dược: Lactose monohydrat, tinh bột mì, màu vàng quinolin, povidon, natri starch glycolat, silicon dioxid, magnesi stearat, hypromellose, polyethylen glycol.

DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén bao phim

Mô tả viên: Viên nén tròn màu vàng, bao phim, hai mặt phẳng, một mặt có khắc chữ “B”, một mặt khắc vạch ngang có thể bẻ đôi được.

CHỈ ĐỊNH

CLORPHEBOSTON được chỉ định để điều trị triệu chứng dị ứng đáp ứng với thuốc kháng histamin, bao gồm dị ứng phấn hoa, viêm mũi vậ mạch, mày đay, phù mạch máu – thần kinh, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết thanh, côn trùng cắn.

Thuốc cũng được chỉ định để làm giảm triệu chứng ngứa liên quan tới bệnh thủy đậu.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Cách dùng

CLORPHEBOSTON dùng đường uống.

Liều dùng

- Người lớn và trẻ em lớn hơn 12 tuổi: 4 mg, 4 – 6 giờ một lần. Tối đa 24 mg/ngày.
- Người cao tuổi: thường tăng nhạy cảm với tác dụng kháng cholinergic thần kinh. Cần xem xét liều thấp hơn mỗi ngày (tối đa 12 mg/ngày).
- Trẻ em từ 6 – 12 tuổi: 2 mg/lần mỗi 4 – 6 giờ. Tối đa 12 mg/ngày.
- Trẻ em dưới 6 tuổi: thuốc không khuyến cáo dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với clorpheniramin, các thuốc kháng histamin hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Người bệnh dùng thuốc ức chế monoamin oxidase (IMAO) trong vòng 14 ngày, tính đến thời điểm điều trị bằng clorpheniramin.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Thận trọng ở người bị bệnh động kinh; người bị tăng áp lực nội nhãn (gồm bệnh glôcôm); phì đại tuyến tiền liệt; tăng huyết áp nặng hoặc bệnh tim mạch; viêm phế quản, giãn phế quản hoặc hen suyễn; suy gan; suy thận. Trẻ em và người cao tuổi có nhiều khả năng gặp phải các tác động thần kinh do kháng cholinergic và kích thích nghịch thường (ví dụ: tăng năng lượng, bồn chồn, lo lắng).

- Thuốc có thể gây ngủ gà, chóng mặt, hoa mắt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động trong một số người bệnh và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc.
- Tác dụng an thần của clorpheniramin tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.
- Không nên dùng clorpheniramin với các thuốc kháng histamin khác, bao gồm các thuốc cảm và ho có chứa kháng histamin.

Thận trọng với tá dược

- Lactose: Sản phẩm có chứa lactose không nên sử dụng cho bệnh nhân có vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoặc kém hấp thu glucose/galactose.
- Tinh bột mì: Mỗi viên nén bao phim CLORPHEBOSTON có chứa khoảng 4,02 µg gluten, không nên sử dụng cho bệnh nhân dị ứng với tinh bột mì (khác với bệnh celiac).

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Chưa có nghiên cứu đầy đủ về việc sử dụng clorpheniramin maleat cho phụ nữ có thai và chưa rõ các nguy cơ tiềm ẩn. Sử dụng clorpheniramin trong 3 tháng cuối thai kỳ có thể gây nên các phản ứng trên trẻ sơ sinh hoặc sinh non. Không nên dùng trong thời kỳ mang thai nếu không có chỉ định của bác sĩ.
- Clorpheniramin maleat và các thuốc kháng histamin có thể ức chế tiết sữa và có thể bài tiết qua sữa mẹ. Không nên dùng cho phụ nữ cho con bú nếu không có chỉ định của bác sĩ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

- Cần thận trọng khi dùng cho người lái xe hoặc điều khiển máy móc, vì thuốc có thể gây buồn ngủ, chóng mặt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

- Dùng đồng thời clorpheniramin với thuốc an thần gây ngủ có thể tăng tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương của clorpheniramin.
- Clorpheniramin ức chế chuyển hóa phenytoin có thể dẫn tới ngộ độc phenytoin.
- Các thuốc ức chế monoamin oxydase (IMAO) làm kéo dài và tăng tác dụng kháng cholinergic của clorpheniramin.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tác dụng không mong muốn được phân loại theo tần suất như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$), ít gặp ($\geq 1/1000$ đến $< 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$), rất hiếm gặp ($< 1/10.000$), chưa rõ (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Cơ quan/mức độ	Tác dụng phụ
Rối loạn tạo máu	
Chưa rõ	Thiếu máu, rối loạn tạo máu.

Rối loạn hệ thống miễn dịch	
Chưa rõ	Phản ứng dị ứng, phù mạch, phản ứng phản vệ.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	
Chưa rõ	Chán ăn.
Rối loạn thần kinh	
Chưa rõ	Nhầm lẫn (*), kích thích (*), khó chịu (*), ác mộng (*), trầm cảm.
Rối loạn hệ thần kinh (*)	
Rất phổ biến	An thần, buồn ngủ.
Thường gặp	Rối loạn sự chú ý, khó phối hợp, đau đầu, chóng mặt.
Rối loạn thị giác	
Thường gặp	Nhìn mờ.
Rối loạn thính giác	
Chưa rõ	Ù tai.
Rối loạn tim mạch	
Chưa rõ	Hồi hộp, tim đập nhanh, rối loạn nhịp tim.
Rối loạn mạch máu	
Chưa rõ	Hạ huyết áp.
Rối loạn hô hấp	
Chưa rõ	Tăng tiết dịch phế quản.
Rối loạn đường tiêu hóa	
Thường gặp	Buồn nôn, khô miệng.
Chưa rõ	Nôn, đau bụng, tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa.
Rối loạn gan mật	
Chưa rõ	Viêm gan, vàng da.
Rối loạn da và mô dưới da	
Chưa rõ	Viêm da tróc vảy, nổi mẩn, mày đay, nhạy cảm với ánh sáng.
Rối loạn cơ xương và các mô liên kết	
Chưa rõ	Cơ giật cơ, yếu cơ.

W

Rối loạn thận, tiết niệu	
Chưa rõ	Bí tiểu
Các rối loạn khác	
Thường gặp	Mệt mỏi.

(*): Trẻ em và người cao tuổi có nhiều khả năng gặp phải các tác động thần kinh do kháng cholinergic và kích thích nghịch thường (ví dụ: tăng năng lượng, bồn chồn, lo lắng).

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng

- Liều gây chết của clorpheniramin khoảng 25 – 50 mg/kg thể trọng.
- Những triệu chứng và dấu hiệu quá liều bao gồm an thần, kích thích nghịch thường hệ thần kinh trung ương, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp.

Cách xử trí

- Điều trị triệu chứng và hỗ trợ chức năng, cần chú ý đặc biệt đến chức năng gan, thận, hô hấp, tim và cân bằng nước và điện giải.
- Rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipecacuanha. Sau đó, dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu.
- Khi gặp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Có thể điều trị co giật bằng tiêm tĩnh mạch diazepam. Có thể truyền máu trong những ca nặng.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Thuốc kháng histamin tại thụ thể H₁.

Mã ATC: R06AB02

Cơ chế tác dụng:

- Clorpheniramin là một thuốc đối kháng histamin tại thụ thể H₁.
- Các kháng histamin làm giảm hoặc loại bỏ tác động của histamin trong cơ thể bằng cách phong bế cạnh tranh thuận nghịch các thụ thể H₁ của histamin ở mô. Clorpheniramin cũng có hoạt tính kháng cholinergic.
- Thuốc kháng histamin ngăn chặn sự giải phóng histamin, prostaglandin và leukotrien và ngăn chặn sự di chuyển của chất trung gian gây viêm. Những tác động của clorpheniramin bao gồm ức chế histamin trên cơ trơn, tính thấm mao mạch, do đó, làm giảm hiện tượng phù nề và nổi mề đay trong các phản ứng quá mẫn như dị ứng và sốc phản vệ.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu và phân bố

Clorpheniramin hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa, sau khi uống; xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong 1 – 2 giờ và kéo dài 4 – 6 giờ. Thời gian bán thải của clorpheniramin là 12 – 15 giờ.

Chuyển hóa và thải trừ

Clorpheniramin liên kết với protein huyết tương, được bài tiết qua nước tiểu. Các chất chuyển hóa gồm có monodesmethylclorpheniramin, didesmethylclorpheniramin. Khoảng 22% liều

uống được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không thay đổi. Chỉ một lượng nhỏ được tìm thấy qua phân.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Đóng chai:

Hộp 1 chai × 100 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 200 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 500 viên nén bao phim.

Hộp 1 chai × 1000 viên nén bao phim.

Ép vỉ:

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 03 vỉ × 10 viên nén bao phim.

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 05 vỉ × 10 viên nén bao phim.

Ép vỉ Al/PVC. Hộp 10 vỉ × 10 viên nén bao phim.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM.

Địa chỉ: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 769 606

Fax: 02743 769 601

Email: boston@bostonpharma.com.vn.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2018

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐS. ĐẠNG MINH ĐỨC



TU QUẢN TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu Thủy

W